

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2021/DS-ST
Ngày: 02-11-2021
V/v "*Tranh chấp Hợp đồng
mua bán tài sản*"

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn P

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Tử Đ
2. Ông Nguyễn Văn P

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồ Quế T - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện LH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LH tham gia phiên tòa: không tham dự

Trong ngày 02 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2020/TLST-DS, ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2021/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thái G, sinh năm 1967 - Chủ cửa hàng thuốc thú y TA; Địa chỉ: Ấp PT, xã SP, huyện TB, tỉnh VL.

Người đại diện hợp pháp: Chị Nguyễn Thị Kiều P, sinh năm 1991

Địa chỉ: k3, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh VL. Theo Giấy ủy quyền ngày 17 tháng 8 năm 2018 do Ủy ban nhân dân xã SP, huyện TB xác nhận (xin vắng mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số 152/14, ấp PL A, xã PQ, huyện LH, tỉnh VL (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lương Thị Bích L, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp PT, xã SP, huyện TB, tỉnh VL (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/11/2020 của nguyên đơn ông Nguyễn Thái G và trong quá trình giải quyết chị Nguyễn Thị Kiều P người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Ông Nguyễn Thái G là chủ cửa hàng thuốc thú y và thức ăn gia súc TA có bán thức ăn chăn nuôi heo cho bà Nguyễn Thị Ngọc P từ ngày 08/12/2014 đến ngày 02/01/2016 số tiền thức ăn còn nợ lại 18.670.000đ. sau khi bán heo xong, bà P đã không thanh toán tiền nợ thức ăn đầy đủ. Ông G có đến nhà đòi tiền nhiều lần nhưng bà P chỉ thanh toán được 1.000.000đ còn nợ số tiền 17.670.000đ đến nay chưa trả. Nay ông Nguyễn Thái G khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc P trả số tiền nợ 17.670.000đ và tính lãi suất 1%/ tháng tính từ ngày 02/01/2016 cho đến ngày 24/11/2020 là 59 tháng với số tiền 10.425.300đ. Tổng cộng gốc và lãi: 28.095.300đ. Ngày 30/10/2021, chị Kiều P là người đại diện hợp pháp cho ông G thay đổi mức tính lãi suất 10%/ năm theo quy định Bộ luật dân sự năm 2015, giữ nguyên thời gian yêu cầu. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P không có bản khai cũng như tham dự phiên hòa giải.

Tại bản khai ngày 17/6/2021 của bà Lương Thị Bích L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Bà Lương Thị Bích L là vợ của ông Nguyễn Thái G chủ cửa hàng thuốc thú y và thức ăn gia súc TA. Vợ chồng cùng nhau quản lý cửa hàng, bà L là người đứng bán thức ăn chăn nuôi heo cho bà Phụng. Hai bên thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi khi nào bà Phụng nuôi heo đến xuất bán thì trả. Việc mua bán hai bên kéo dài đến ngày 02/01/2016, bà P còn nợ tiền thức ăn là 18.670.000đ. Nhắc nhở nhiều lần bà P trả được 1.000.000đ còn nợ lại 17.670.000đ chưa thanh toán. Bà L đồng ý để ông G là chồng bà khởi kiện không có tranh chấp khiếu nại gì.

Ngày 17/6/2021, bà L yêu cầu vắng mặt các phiên hòa giải, xét xử tại Tòa án vì do bận việc gia đình.

* Tại phiên tòa hôm nay: vắng mặt các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 02/11/2021, chị Nguyễn Thị Kiều P đại diện nguyên đơn có đơn xin vắng mặt phiên tòa; Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P là bị đơn được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt; Bà Lương Thị Bích L có đơn xin vắng mặt phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. Về nội dung: Xét nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền bán thức ăn heo còn nợ lại là 17.670.000đ và tính lãi suất từ ngày 02/01/2016 theo lãi suất 10%/năm (0,833%/tháng) đến ngày 24/11/2020 là có căn cứ để chấp nhận. Vì từ ngày 08/12/2014 đến ngày 02/01/2016 bà Phụng còn nợ tiền thức ăn 18.670.000đ đến ngày 16/3/2018 bà P trả được 1.000.000đ còn nợ lại 17.670.000đ chưa trả. Mặc khác, tại biên bản hòa giải ngày 26/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện LH bà P thừa nhận còn nợ số tiền 17.670.000đ tiền thức ăn chưa trả. Ý kiến của bà L là thống nhất để ông G kiện đòi nợ vì ông G là người đứng Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, bà P không có tranh chấp gì. Trong quá trình giải quyết bị đơn không có bản tự khai gửi Tòa án cũng như tham dự phiên hòa giải tại Tòa. Căn cứ vào chứng cứ khẳng định bà P còn nợ tiền thức ăn của ông G là 17.670.000đ. Căn cứ khoản 1 Điều 440 của Bộ luật dân sự thì bà Phụng phải có trách nhiệm trả lại ông G số tiền nợ thức ăn mà bà P nợ như trên.

Theo khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự quy định: Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này. Tại Điều 357 Bộ luật dân sự quy định mức trả tiền lãi theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, trong đó khoản 2 Điều 468 quy định mức lãi suất không được vượt quá 20%/ năm. Nguyên đơn yêu cầu 10%/năm là phù hợp khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu lãi suất 10%/năm là phù hợp được tính cụ thể như sau: $17.670.000đ \times 0,833\%/tháng (10\%/năm) \times 58 tháng 22 ngày (từ ngày 02/01/2016 đến ngày 24/11/2020) = 8.663.923đ$.

Số tiền nợ trên là tài sản chung của vợ chồng, bà L đồng ý để ông G khởi kiện đòi tiền bà P, bà L không có tranh chấp gì.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử buộc bị đơn có trách nhiệm trả nguyên đơn tiền nợ tiền thức ăn 17.670.000đ và lãi 8.663.923đ. Tổng cộng: 26.333.932đ.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Do đó, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Đây là loại án phí có giá ngạch được tính cụ thể như sau: $26.333.932đ \times 5\% = 1.316.696đ$ làm tròn 1.316.000đ. Vì vậy, bị đơn phải nộp án phí là 1.316.000đ.

Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006116 ngày 13/10/2020 và 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006274 ngày 24/11/2020 mà nguyên đơn đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LH .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 144, 147, 150, 227, 228, 238, 244 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 430, 440 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 26 của Nghị quyết số 326/UBNTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thái G - Chủ cửa hàng thuốc thú y TA có chị Nguyễn Thị Kiều P làm đại diện hợp pháp.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc P trả ông Nguyễn Thái G - chủ cửa hàng thuốc thú y TA số tiền nợ tiền thức ăn 17.670.000đ và lãi 8.663.923đ. Tổng cộng: 26.333.932đ (Hai mươi sáu triệu ba trăm ba mươi ba nghìn chín trăm ba mươi hai đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc P nộp 1.316.000đ (Một triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006116 ngày 13/10/2020 và 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006274 ngày 24/11/2020 mà nguyên đơn đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LH.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của những người được thi hành án nếu người bị thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị **cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự**; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Tấn Phong